

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày 02-8-2019

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Ngọc Các

Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Kha Thanh T, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số M đường V, khóm M, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Kim Y, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số B đường N, khóm H, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 5 năm 2019, quá trình giải quyết vụ

án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Kha Thanh T trình bày:

Ông và bà Kim Y quen biết, tìm hiểu nhau, sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và về chung sống với nhau như vợ chồng, hôn nhân của ông và bà Y hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/2003, ngày 18/3/2003.

Quá trình chung sống ông và bà Y có hai người con chung tên Kha Thành H (nam, sinh ngày 29/01/2004) và cháu Kha Kim P (nữ, sinh ngày 04/10/2008). Hiện nay hai cháu đang sống chung với ông tại số M đường V, khóm M, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời ông và bà Y không có tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Lúc đầu, cuộc sống gia đình ông và bà Y rất hạnh phúc, sống vui vẻ, chan hòa, vợ chồng chăm lo làm ăn, chăm sóc con cái. Tuy nhiên, từ năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng ông và bà Y không còn hạnh phúc như trước, vợ chồng không có sự đồng cảm, ngoài ra bà Y còn không lo làm ăn nhưng lại mượn nợ nhiều lần. Vì gia đình, con cái nên ông đã ra trả nợ cho bà Y, nhưng sau khi trả xong thì bà Y lại đi mượn nợ dẫn đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông lại thêm nhiều mâu thuẫn. Đến năm 2016 vì không chịu nổi nên ông cũng đã nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với bà Y, lúc đó bà Y năn nỉ và hứa hẹn sửa đổi nên ông đã rút đơn khởi kiện lại nhưng thực tế cho đến nay vẫn như vậy, ông lại là người đứng ra trả nợ cho bà Y mặc dù bà Y không có nghề nghiệp, không kinh doanh gì khác chỉ ở nhà chăm sóc con cái, nhưng lại mượn nợ mà không có lý do, còn bản thân ông thì chăm lo làm ăn để xây dựng gia đình nhưng nếu bà Y cứ như vậy hoài thì ông không thể nào chịu đựng nổi nữa. Vợ chồng lại cãi vã, mâu thuẫn và hiện tại thì bà Y đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà Y sống từ tháng 02/2019 cho đến nay. Nay ông thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Kim Y.

Về con chung: Ông Kha Thanh T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Kha Thành H (nam, sinh ngày 29/01/2004) và cháu Kha Kim P (nữ, sinh ngày 04/10/2008) đến khi cháu H và cháu P đủ 18 tuổi; Không yêu cầu bà Kim Y thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Kha Thanh T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn, bà Kim Y từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng

Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, riêng bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy bị đơn bà Kim Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Kim Y.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Kha Thanh T, về quan hệ hôn nhân của ông Kha Thanh T và bà Kim Y không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu bà Y, ông T chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã với nhau, mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống ông, bà không còn hạnh phúc, vợ chồng không có sự đồng cảm. Đến năm 2016 ông T đã nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với bà Y, nhưng sau đó ông T, bà Y đã hàn gắn tình cảm với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Đến nay lại phát sinh mâu thuẫn, ông T, bà Y lại cãi vã, mâu thuẫn về tài chính. Tại tòa ông T xác định không còn tình cảm với bà Y, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc và kiên quyết xin ly hôn với bà Y. Đồng thời, từ tháng 02/2019 đến nay bà Y và ông T đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà Y.

[3] Về con chung: Ông Kha Thanh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên Kha Thành H (nam, sinh ngày 29/01/2004) và cháu Kha Kim P (nữ, sinh ngày 04/10/2008) cho đến khi cháu H, cháu P đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà Kim Y thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ông T, bà Y sống ly thân với nhau thì cháu H và cháu P đều sống chung với ông T và do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng về tâm sinh lý phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Đồng thời, tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày

29/5/2019 của cháu H, ngày 03/6/2019 của cháu P, các cháu đều có nguyện vọng được sống chung với ông T. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông T giao hai cháu Kha Thành H (nam, sinh ngày 29/01/2004) và cháu Kha Kim P (nữ, sinh ngày 04/10/2008) cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H, cháu P đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu bà Y thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Kha Thanh T tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Kha Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Kha Thanh T và bà Kim Y.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng:

2.1. Giao con chung tên Kha Thành H (nam, sinh ngày 29/01/2004) và Kha Kim P (nữ, sinh ngày 04/10/2008) hiện đang sống chung với ông T tại số M đường V, khóm M, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng cho ông Kha Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H, cháu P đủ 18 tuổi.

2.2. Bà Kim Y không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Kim Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Kha Thanh T tự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Kha Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007488 ngày 06/5/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Sóc Trăng; Ông Kha Thanh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Kim Y không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền